

Phụ lục 10

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM QUÁ TRÌNH

Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 23
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	BP.1	BP.2	BP.3	BP.4	BP.5	Điểm quá trình	Ghi chú
1	2121110261	Ninh Thị Quỳnh	Anh	07/09/2003	CCQ2111H	8.0	6.8	7.7	6.0	9.0	7.5	
2	2121210109	Phan Thị Vân	Anh	28/08/2001	CCQ2121D	8.4	8.4	7.5	9.7	9.0	8.8	
3	2121210013	Nguyễn Thiên	Ân	26/06/2003	CCQ2121D	8.4	8.8	7.5	8.0	9.0	8.4	
4	2122150081	Huỳnh Quốc	Bảo	21/02/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
5	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C	7.4	6.8	7.0	7.7	8.0	7.5	
6	2122150090	Nguyễn Văn	Chương	17/04/2004	CCQ2215C	6.8	5.8	7.0	9.0	8.0	7.7	
7	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C	6.6	6.6	7.0	9.3	8.0	7.8	
8	2119060041	Phạm Ngọc	Danh	05/12/2001	CCQ1906B	8.0	8.4	7.0	5.3	8.0	7.1	
9	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C	6.4	7.6	6.7	7.7	10.0	8.0	
10	2121110225	Nguyễn Việt	Dũng	20/09/2003	CCQ2111G	7.6	7.4	6.7	7.3	8.0	7.5	
11	2122150069	Hứa Hải	Dương	27/10/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
12	2122150052	Trần Minh	Dương	20/04/2004	CCQ2215C	6.2	6.4	7.0	5.0	8.0	6.5	
13	2122150049	Nguyễn Quốc	Đạt	25/04/2004	CCQ2215C	6.2	7.0	6.7	7.7	8.0	7.3	
14	2122150053	Nguyễn Tiến	Đạt	27/04/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
15	2121110365	Thạch Tấn	Đạt	09/12/2003	CCQ2111H	7.4	7.8	6.7	8.7	8.0	7.9	
16	2122150046	Nguyễn Văn	Định	10/11/2004	CCQ2215C	6.4	4.0	7.0	9.0	8.0	7.3	
17	2122150077	Nguyễn Duy	Đông	15/07/2004	CCQ2215C	6.2	8.0	6.7	9.3	8.0	7.9	
18	2121110275	Huỳnh Ngọc	Hà	24/05/2003	CCQ2111H	8.2	6.4	6.7	8.3	8.0	7.7	
19	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	CCQ2215C	7.6	7.2	7.0	9.0	8.0	8.0	
20	2121210072	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/11/2003	CCQ2121C	8.2	8.0	7.7	8.0	9.0	8.3	
21	2121110270	Đoàn Trần Trung	Hiếu	05/02/2003	CCQ2111H	8.0	7.4	6.7	9.0	8.0	8.0	

22	2121210050	Hoàng Thị Minh	Hiếu	18/11/2003	CCQ2121D	8.8	7.6	7.5	9.7	9.0	8.8	
23	2121210086	Giang Thành	Hùng	25/10/2002	CCQ2121D	7.8	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	
24	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	8.0	8.2	8.0	9.0	10.0	8.9	
25	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C	7.8	7.2	7.0	8.7	8.0	7.9	
26	2122150054	Đặng Quang	Huy	08/04/2003	CCQ2215C	7.0	5.4	7.0	9.7	8.0	7.8	
27	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C	7.2	7.0	7.0	9.7	8.0	8.1	
28	2122150045	Nguyễn Tấn	Huy	24/01/2004	CCQ2215C	7.8	8.0	7.0	6.7	10.0	8.0	
29	2120220019	Nguyễn Thanh Gia	Huy	30/03/2002	CCQ2020H	7.6	5.6	7.0	4.0	8.0	6.3	
30	2122150075	Trần Đình	Huy	30/03/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
31	2122150074	Trần Quang	Huy	27/08/2004	CCQ2215C	6.8	9.0	7.0	6.0	8.0	7.3	
32	2122150098	Trần Hoàng	Hưng	10/09/2003	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
33	2121210100	Lê Chí	Hữu	28/09/2002	CCQ2121D	8.0	8.2	6.7	8.0	8.0	7.8	
34	2122150063	Trương Gia	Kiên	22/01/2004	CCQ2215C	7.8	8.2	7.0	8.7	8.0	8.1	
35	2122150099	Phan Văn	Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C	7.2	8.2	7.0	9.0	8.0	8.1	
36	2121210006	Châu Thị Thu	Kiều	06/09/2003	CCQ2121D	8.0	6.8	7.5	9.7	9.0	8.5	
37	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C	8.2	7.4	6.7	6.0	8.0	7.2	
38	2122200233	Trần Lê Thị Kim	Liên	01/06/2003	CCQ2220G	8.4	7.8	7.5	9.3	9.0	8.6	
39	2122150066	Nguyễn Thành	Long	24/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
40	2122150100	Vô Thành	Long	21/11/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
41	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D	7.8	7.2	7.0	4.0	8.0	6.6	
42	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D	7.6	6.8	7.0	7.7	8.0	7.5	
43	2121110269	Nguyễn Thị Trúc	Ly	30/03/2003	CCQ2111H	8.2	7.2	7.7	6.0	9.0	7.6	
44	2121210058	Vô Thị Cẩm	Ly	20/12/2003	CCQ2121D	8.2	7.8	7.5	9.0	9.0	8.5	
45	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D	7.6	7.0	7.0	7.3	8.0	7.5	
46	2122150093	Nguyễn Văn	Murop	27/08/2004	CCQ2215D	8.4	8.2	7.0	6.0	8.0	7.4	
47	2122150079	Nguyễn Trần Hoài	Nam	22/02/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
48	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	7.0	7.6	7.0	8.7	10.0	8.4	
49	2121210054	Hà Thị Quỳnh	Nhi	14/03/2003	CCQ2121D	8.2	7.6	7.5	9.7	9.0	8.7	
50	2121110253	Trần Thị Yên	Nhi	11/08/2003	CCQ2111H	7.8	7.6	7.7	8.0	9.0	8.2	
51	2121110278	Đinh Thanh	Phong	19/01/2003	CCQ2111H	7.0	7.0	6.7	7.3	8.0	7.3	
52	2121210026	Nguyễn Thanh	Phong	15/01/2003	CCQ2121D	8.0	7.4	6.7	8.7	8.0	7.9	
53	2121210051	Hà Nhật	Quang	21/08/2003	CCQ2121D	7.8	7.8	6.7	9.7	8.0	8.2	
54	2122150070	Hoàng Thế	Quang	22/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
55	2122150091	Trần Danh	Quốc	29/11/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
56	2121070011	Lê Thị Kim	Quyên	06/08/2003	CCQ2107A	7.6	8.0	7.5	4.0	9.0	7.0	
57	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyên	28/09/2004	CCQ2215D	7.6	8.2	7.0	9.3	10.0	8.8	

58	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D	5.4	6.8	6.7	7.0	8.0	7.0	
59	2121210075	Phan Thị	Thảo	06/11/2000	CCQ2121D	8.0	7.8	8.0	9.0	10.0	8.8	
60	2121110276	Hoàng Văn	Thế	28/06/2003	CCQ2111H	7.0	7.0	6.7	9.7	8.0	8.0	
61	2121100082	Nguyễn Hồng	Thị	15/10/2003	CCQ2110C	7.8	6.8	7.7	6.0	9.0	7.5	
62	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D	8.6	8.2	7.0	8.7	8.0	8.2	
63	2121210101	Bùi Mỹ	Thịnh	02/01/2003	CCQ2121D	7.4	6.8	7.7	9.0	9.0	8.3	
64	2122150048	Nguyễn Anh	Thịnh	10/12/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
65	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D	7.6	6.6	7.0	5.0	8.0	6.7	
66	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D	8.4	7.2	7.0	9.0	8.0	8.1	
67	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D	8.2	6.0	6.7	8.3	8.0	7.6	
68	2121210055	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	10/01/2003	CCQ2121D	8.4	8.0	7.5	9.3	9.0	8.6	
69	2122150071	Tô Minh	Tiến	30/05/2003	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	
70	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D	7.0	7.8	7.0	7.7	8.0	7.6	
71	2121210049	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/08/2003	CCQ2121D	8.8	8.0	7.5	6.0	10.0	8.0	
72	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D	7.0	6.8	7.0	9.3	8.0	7.9	
73	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D	7.4	6.6	7.0	6.0	8.0	7.0	
74	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D	8.4	7.8	7.0	8.0	8.0	7.9	
75	2121110279	Hà Minh	Trung	01/04/2003	CCQ2111H	7.2	7.2	6.7	4.0	8.0	6.4	
76	2121210057	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	15/11/2002	CCQ2121D	8.8	7.8	7.5	7.0	9.0	8.0	
77	2122150056	Phan Văn	Vi	06/11/2004	CCQ2215D	7.2	8.4	6.7	9.3	8.0	8.1	
78	2121210031	Huỳnh Thế	Vinh	07/12/2003	CCQ2121D	7.2	7.8	6.7	8.0	10.0	8.2	
79	2122150076	Phan Văn Ngọc	Vinh	08/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	

Tp. HCM, ngày 12 tháng 7 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà

TRƯỜNG CAO ĐẲNG CÔNG THƯƠNG
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
PHÒNG QUẢN LÝ ĐÀO TẠO

BẢNG GHI ĐIỂM MÔN HỌC/HỌC PHẦN
Học kỳ: II - Năm học: 2022 - 2023

Môn học/Nhóm: GDQP – AN, Nhóm 23
CBGD: Nguyễn Thanh Hà

Số tín chỉ: 05

STT	Mã HS, SV	Họ và tên		Ngày sinh	Mã lớp	Điểm quá trình	Điểm thi	Điểm môn học/Học phần
1	2121110261	Ninh Thị Quỳnh	Anh	07/09/2003	CCQ2111H	7.5	8.4	8.0
2	2121210109	Phan Thị Vân	Anh	28/08/2001	CCQ2121D	8.8	8.0	8.3
3	2121210013	Nguyễn Thiên	Ân	26/06/2003	CCQ2121D	8.4	7.4	7.8
4	2122150081	Huỳnh Quốc	Bảo	21/02/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0
5	2122150078	Lương Văn	Bình	24/10/2004	CCQ2215C	7.5	6.2	6.7
6	2122150090	Nguyễn Văn	Chương	17/04/2004	CCQ2215C	7.7	7.8	7.7
7	2122150080	Nguyễn Duy	Cường	21/04/2004	CCQ2215C	7.8	7.4	7.6
8	2119060041	Phạm Ngọc	Danh	05/12/2001	CCQ1906B	7.1	7.4	7.3
9	2122150068	Ngô Thanh	Diệu	14/08/2004	CCQ2215C	8.0	6.8	7.3
10	2121110225	Nguyễn Việt	Dũng	20/09/2003	CCQ2111G	7.5	7.2	7.3
11	2122150069	Hứa Hải	Dương	27/10/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0
12	2122150052	Trần Minh	Dương	20/04/2004	CCQ2215C	6.5	4.6	5.4
13	2122150049	Nguyễn Quốc	Đạt	25/04/2004	CCQ2215C	7.3	6.4	6.8
14	2122150053	Nguyễn Tiến	Đạt	27/04/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0
15	2121110365	Thạch Tấn	Đạt	09/12/2003	CCQ2111H	7.9	8.2	8.1
16	2122150046	Nguyễn Văn	Định	10/11/2004	CCQ2215C	7.3	8.4	8.0
17	2122150077	Nguyễn Duy	Đông	15/07/2004	CCQ2215C	7.9	8.0	8.0
18	2121110275	Huỳnh Ngọc	Hà	24/05/2003	CCQ2111H	7.7	7.2	7.4
19	2122150065	Nguyễn Ngọc	Hải	28/12/2004	CCQ2215C	8.0	7.6	7.7
20	2121210072	Nguyễn Thị Ngọc	Hiền	10/11/2003	CCQ2121C	8.3	8.2	8.2
21	2121110270	Đoàn Trần Trung	Hiếu	05/02/2003	CCQ2111H	8.0	8.8	8.5

22	2121210050	Hoàng Thị Minh	Hiếu	18/11/2003	CCQ2121D	8.8	7.4	7.9
23	2121210086	Giang Thành	Hùng	25/10/2002	CCQ2121D	7.5	8.4	8.0
24	2122150057	Huỳnh Huy	Hùng	17/08/2004	CCQ2215C	8.9	8.6	8.7
25	2122150061	Phạm Văn	Hùng	25/08/2004	CCQ2215C	7.9	8.8	8.4
26	2122150054	Đặng Quang	Huy	08/04/2003	CCQ2215C	7.8	6.4	7.0
27	2122150060	Nguyễn Quang	Huy	07/10/2004	CCQ2215C	8.1	8.2	8.2
28	2122150045	Nguyễn Tấn	Huy	24/01/2004	CCQ2215C	8.0	7.8	7.9
29	2120220019	Nguyễn Thanh Gia	Huy	30/03/2002	CCQ2020H	6.3	6.6	6.5
30	2122150075	Trần Đình	Huy	30/03/2004	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0
31	2122150074	Trần Quang	Huy	27/08/2004	CCQ2215C	7.3	8.6	8.1
32	2122150098	Trần Hoàng	Hùng	10/09/2003	CCQ2215C	0.0	0.0	0.0
33	2121210100	Lê Chí	Hữu	28/09/2002	CCQ2121D	7.8	7.8	7.8
34	2122150063	Trương Gia	Kiên	22/01/2004	CCQ2215C	8.1	8.2	8.1
35	2122150099	Phan Văn	Kiệt	23/05/2004	CCQ2215C	8.1	8.6	8.4
36	2121210006	Châu Thị Thu	Kiều	06/09/2003	CCQ2121D	8.5	7.4	7.9
37	2122150044	La Ngọc	Lễ	29/08/2004	CCQ2215C	7.2	7.4	7.3
38	2122200233	Trần Lê Thị Kim	Liên	01/06/2003	CCQ2220G	8.6	8.0	8.2
39	2122150066	Nguyễn Thành	Long	24/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
40	2122150100	Vô Thành	Long	21/11/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
41	2122150083	Lê Đức	Lộc	23/11/2004	CCQ2215D	6.6	8.6	7.8
42	2122150067	Nguyễn Đức	Lộc	23/10/2004	CCQ2215D	7.5	7.4	7.5
43	2121110269	Nguyễn Thị Trúc	Ly	30/03/2003	CCQ2111H	7.6	8.4	8.1
44	2121210058	Vô Thị Cẩm	Ly	20/12/2003	CCQ2121D	8.5	8.2	8.3
45	2122150089	Trương Công	Lý	28/09/2004	CCQ2215D	7.5	7.2	7.3
46	2122150093	Nguyễn Văn	Murop	27/08/2004	CCQ2215D	7.4	8.4	8.0
47	2122150079	Nguyễn Trần Hoài	Nam	22/02/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
48	2122150072	Trần Trung	Nguyên	20/07/2004	CCQ2215D	8.4	8.4	8.4
49	2121210054	Hà Thị Quỳnh	Nhi	14/03/2003	CCQ2121D	8.7	7.6	8.0
50	2121110253	Trần Thị Yên	Nhi	11/08/2003	CCQ2111H	8.2	8.6	8.4
51	2121110278	Đinh Thanh	Phong	19/01/2003	CCQ2111H	7.3	8.2	7.9
52	2121210026	Nguyễn Thanh	Phong	15/01/2003	CCQ2121D	7.9	8.0	8.0
53	2121210051	Hà Nhật	Quang	21/08/2003	CCQ2121D	8.2	7.8	8.0
54	2122150070	Hoàng Thế	Quang	22/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
55	2122150091	Trần Danh	Quốc	29/11/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
56	2121070011	Lê Thị Kim	Quyên	06/08/2003	CCQ2107A	7.0	7.8	7.5
57	2122150058	Đinh Hữu Ngô	Quyên	28/09/2004	CCQ2215D	8.8	8.2	8.4

58	2122150059	Nguyễn Tấn	Thành	16/05/2004	CCQ2215D	7.0	7.0	7.0
59	2121210075	Phan Thị	Thảo	06/11/2000	CCQ2121D	8.8	7.8	8.2
60	2121110276	Hoàng Văn	Thế	28/06/2003	CCQ2111H	8.0	6.4	7.0
61	2121100082	Nguyễn Hồng	Thị	15/10/2003	CCQ2110C	7.5	8.0	7.8
62	2122150064	Phan Chí	Thiện	21/11/2004	CCQ2215D	8.2	9.4	8.9
63	2121210101	Bùi Mỹ	Thịnh	02/01/2003	CCQ2121D	8.3	8.2	8.2
64	2122150048	Nguyễn Anh	Thịnh	10/12/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
65	2122150085	Võ Đức	Thịnh	16/11/2004	CCQ2215D	6.7	6.2	6.4
66	2122150055	Huỳnh	Thuận	18/09/2004	CCQ2215D	8.1	9.4	8.9
67	2122150073	Vũ Trọng	Thuận	28/08/2004	CCQ2215D	7.6	7.0	7.3
68	2121210055	Huỳnh Thị Mỹ	Tiên	10/01/2003	CCQ2121D	8.6	8.0	8.3
69	2122150071	Tô Minh	Tiến	30/05/2003	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0
70	2122150062	Bùi Nguyễn Thiên	Toàn	02/09/2004	CCQ2215D	7.6	8.0	7.8
71	2121210049	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/08/2003	CCQ2121D	8.0	7.4	7.7
72	2122150084	Nguyễn Trọng	Tri	21/09/2004	CCQ2215D	7.9	6.6	7.1
73	2122150092	Châu Thanh	Trọng	22/08/2004	CCQ2215D	7.0	7.6	7.4
74	2122150051	Hồ Đức	Trọng	02/07/2004	CCQ2215D	7.9	8.8	8.4
75	2121110279	Hà Minh	Trung	01/04/2003	CCQ2111H	6.4	7.0	6.8
76	2121210057	Huỳnh Thị Bích	Tuyền	15/11/2002	CCQ2121D	8.0	7.4	7.6
77	2122150056	Phan Văn	Vi	06/11/2004	CCQ2215D	8.1	6.8	7.3
78	2121210031	Huỳnh Thế	Vinh	07/12/2003	CCQ2121D	8.2	7.4	7.7
79	2122150076	Phan Văn Ngọc	Vinh	08/08/2004	CCQ2215D	0.0	0.0	0.0

Tp. HCM, ngày 12 tháng 7 năm 2023
Giảng viên



Nguyễn Thanh Hà